

## “THUẬN THIÊN” VÀ “CHẾ THIÊN” Ở VIỆT NAM - LỊCH SỬ VÀ HIỆN ĐẠI

GS, TS. NGUYỄN HÙNG HẬU<sup>(\*)</sup>

Ngày nhận bài: 29/01/2023 Ngày thẩm định: 07/02/2023 Ngày duyệt đăng: 20/02/2023

**Tóm tắt:** Trên cơ sở làm rõ khái niệm “thuận thiên” và “chế thiên”, bài viết phân tích những biểu hiện của mối quan hệ này ở Việt Nam trong lịch sử và hiện nay. Đồng thời, bài viết làm rõ những quan điểm của Đảng liên quan đến cách ứng xử của con người đối với tự nhiên, đặc biệt là trong Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng và bài phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng về vấn đề này, nhằm xây dựng xã hội hài hòa, nền kinh tế xanh, sạch, bền vững, bao trùm.

**Từ khóa:** chế thiên; thuận thiên; Việt Nam

**1. Khái niệm “thuận thiên” và “chế thiên”**

“Thuận thiên” và “chế thiên” là hai cách ứng xử của con người đối với giới tự nhiên. Theo C.Mác, cách ứng xử này quy định cách ứng xử của con người với con người trong xã hội. “Thuận thiên” là sống hài hòa, hòa đồng với thiên nhiên, tức là không chống lại thiên nhiên, sống hòa thuận với thiên nhiên, nương theo tự nhiên để hưởng trọn cái gọi là “Trời cho”. Từ hòa thuận với thiên nhiên dễ dẫn đến hòa thuận trong xã hội, hòa thuận trong gia đình, hòa thuận anh em, bạn bè. Đại diện cho khuynh hướng này là Lão Tử, Trang Tử, với quan điểm hòa đồng với vạn vật thì vạn vật không làm hại được mình, từ đó họ đưa ra quan điểm nhu thắng cương, nhược thắng cường, nhu nhược thắng cương cường. Lão Tử đưa ra ví dụ: cái gì sống cũng mềm, nhu; cái gì

chết cũng cứng, cương; từ đó, mềm, nhu gắn với sống; cứng, cương gắn với chết. Nhu nhược ở đây không phải là thiếu ý chí, ai bảo sao nghe vậy, mà có nghĩa là đừng cưỡng lại quy luật của tự nhiên, của tạo hóa, là thuận thiên. Nước bắt tranh với mọi cái, luôn tìm chỗ thấp để ở, nên mọi cái không tranh giành với nó. Bất tranh thì không ai tranh với mình. Từ đó, Lão Tử đưa ra tư tưởng vô vi. Ở đây, vô vi không có nghĩa là không làm gì cả, mà làm một cách tự nhiên, làm mà như không làm (vô vi nhi vô bất vi). Khuynh hướng này hay và sâu sắc, nhưng nếu tuyệt đối hóa thì sẽ dẫn đến thái độ bị động, ý nại, ngồi chờ, thiếu tính sáng tạo, từ đó không thể đưa loài người tiến lên phía trước, không tạo động lực cho sự phát triển của xã hội.

Ngược lại với “thuận thiên” là “chế thiên”, tức chế ngự, cải tạo, chinh phục giới tự nhiên. Khi mới thoát thai từ động vật, con người hầu như phụ thuộc hoàn toàn vào tự nhiên, chịu sự tác động mù quáng của những lực lượng chưa kiểm soát được. Ở Việt Nam, tự nhiên còn

<sup>(\*)</sup> Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

được gọi là Mẹ, Mẫu, như Mẫu Thượng Ngàn, Mẫu Thoải. Thời kỳ này, con người hoàn toàn bị người mẹ, mẫu tự nhiên chi phối. Tuy vậy, trong quá trình sản xuất thông qua lao động, con người học được cách cải biến, điều khiển những quá trình tự nhiên trong phạm vi ngày càng mở rộng, để phục vụ cuộc sống ngày càng cao. Như vậy, không chỉ tự nhiên tác động lên con người, mà ngược lại, bằng lao động của mình, đặc biệt là lao động sản xuất, con người ngày càng chủ động tích cực tác động cải tạo giới tự nhiên, bắt giới tự nhiên phục vụ cho những mục đích của mình, tức là con người vươn lên thống trị giới tự nhiên. Khác với L.Phoiobắc, con người chỉ thuần túy là sản phẩm của hoàn cảnh, của giới tự nhiên, C.Mác cho rằng, không chỉ như vậy, con người còn cải tạo, biến đổi hoàn cảnh. Theo khuynh hướng này, con người không thỏa mãn với thế giới. V.I.Lênin đã nhấn mạnh, con người quyết tâm cải tạo, biến đổi thế giới; con người càng cải tạo, biến đổi nhiều thế giới bao nhiêu thì càng tiến bộ bấy nhiêu. Như vậy, mức độ của sự tiến bộ phụ thuộc vào mức độ của sự chinh phục, cải tạo giới tự nhiên của con người. Tuy nhiên, theo hướng này, nếu không cẩn thận sẽ dẫn đến tình trạng môi trường, tự nhiên bị phá hủy; khí hậu diễn biến ngày càng xấu, kèm theo những thiên tai khủng khiếp; tình trạng khan hiếm nguồn năng lượng, cạn kiệt tài nguyên, mà ngày nay chúng ta đang chứng kiến.

## 2. “Thuận thiên” và “chế thiên” ở Việt Nam trong lịch sử

Trong lịch sử, hai cách ứng xử này của người Việt Nam đối với giới tự nhiên đều có, chúng liên hệ mật thiết với nhau, nhưng nhìn chung, hơi nghiêng về cách ứng xử “thuận thiên”. Không phải ngẫu nhiên mà nhiều triều đại lấy niên hiệu của mình là “Thuận thiên”. Điều này có nguyên nhân sâu xa của nó, nhưng suy cho cùng nó bị chế định bởi xã hội cổ truyền.

Ngay các vị vua chúa trong lịch sử, hầu hết họ đều có tư tưởng “thuận thiên”. Trong *Chiếu dời đô*, Lý Công Uẩn khẳng định: “Trên vâng mệnh trời”. Trong Nho giáo, người quân tử là phải biết được mệnh trời. Học thuyết thiên mệnh

(mệnh trời) được thể hiện trong những bài chính luận nổi tiếng, như *Chiếu dời đô*, *Nam quốc sơn hà*, *Văn lộ bố*, *Hịch tướng sĩ*,... Giàu sang, nghèo hèn, xuất xứ, hành tàng, thắng thua, làm vua hay dân thường, ổn định hay loạn lạc, hưng vong, lên xuống, được mất, lụt lội, hạn hán,... tất cả đều do trời quy định. Trời với người có liên hệ mật thiết với nhau (thiên nhân cảm ứng). Theo Nho giáo, ở đâu đó có tồn tại một “ông Trời”, chi phối mọi sự vật hiện tượng, quy định số phận của mỗi con người. Trời là đấng chủ tể có nhân cách, có ý chí, tình cảm. Ý chí của trời gọi là “mệnh”, “thiên mệnh”. Con người có thể dối lừa nhau, nhưng không thể dối được trời (Lưới trời lồng lộng thưa mà khó lọt). Mắc tội với trời thì không thể cầu khẩn gì được nữa. Kinh Lễ còn cho rằng, vạn vật đều có nguồn gốc từ trời (Vạn vật bản hồ thiên). Cha mẹ sinh con, trời sinh tính. Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên, tức mưu là ở con người, còn thành công hay không là do trời. Con người sinh ra ai chẳng muốn sống lâu, nhưng trời cho hưởng bao nhiêu thì người đó được hưởng bấy nhiêu, muốn cũng không được (Sinh tử u mệnh). Hay bất kỳ một người nào sinh ra trên trái đất này đều muốn phú và quý, nhưng trời cho người nào hưởng thì người ấy hưởng (Phú quý tại thiên). Nguyễn Du đã từng trải qua những cuộc bể dâu, đã từng trông thấy, chứng kiến nhiều điều ngang trái, cuối đời suy đi tính lại, ông cho rằng mọi thứ là do trời: *Ngẫm hay muôn sự tại trời/Trời kia đã bắt làm người có thân/ Bắt phong trần phải phong trần/ Cho thanh cao mới được phần thanh cao*.

Mệnh như trái núi đè lên con người, con người cố vùng vẫy nhưng vẫn không sao thoát khỏi mệnh. Chữa được bệnh chứ không chữa được mệnh. Khổng Tử cho rằng, tam thập nhi lập (con trai 30 tuổi thì tự lập), tứ thập nhi bất hoặc (40 tuổi thì sáng suốt, không còn nghi hoặc điều gì nữa), ngũ thập nhi tri thiên mệnh (50 tuổi thì biết được mệnh trời). Người quân tử phải biết được mệnh trời (chẳng biết mệnh trời, không phải là người quân tử). Mệnh trời như một thứ vũ khí chính trị, vua lĩnh mệnh trời trị

dân, từ đó mệnh trời là công cụ để biến cái phi lý thành cái hợp lý. Mặt khác, mệnh cũng có tác dụng an ủi đối với tầng lớp nhân dân đau khổ, tất cả đều đổ cho mệnh, sướng khổ, vui buồn, được mất, hưng vong, ... đều do mệnh trời.

Ở Nguyễn Trãi, trời còn được hiểu như là quy luật của tự nhiên. “Phải thuận được lòng trời mới hợp được lòng người”. Chẳng hạn, Lê Lợi dựng cơ nghiệp là do “Biết người biết mình, hay yếu hay mạnh”, “đã do trời mà biết thời, lại có trí để công thành” (Phú núi Chí Linh). Ở Nguyễn Bình Khiêm, trời là giới tự nhiên chứ không phải là Thượng đế có nhân cách, con người là một bộ phận của giới tự nhiên, giữa trời và người có sự thống nhất, trời và người cùng quan hệ với nhau, lại cùng phù hợp với nhau (Thiên nhân tương dữ hiệu tương phù). Con người, vạn vật đều sinh ra một cách tự nhiên, muôn loài đều như nhau (vạn vật đồng). Ở đây, ông không thấy đặc điểm của con người, xã hội, đánh đồng quy luật tự nhiên với quy luật xã hội, từ đó dẫn đến quan điểm thần bí, số mệnh. Sự phát triển của tự nhiên được ông gọi là đạo trời, tuân theo luật mà Chu Dịch đã vạch ra. Sự vật có sinh thành, phát triển mà động lực của phát triển là ở trong bản thân sự vật. Nhưng, sự phát triển ở đây là sự phát triển tuần hoàn, đi rồi lại về, đó là lẽ thường của lý (Tuần hoàn vãng phục lý chi thường).

Tư tưởng “thuận thiên” còn được quy định bởi xã hội Việt Nam là xã hội nằm trong khung cảnh của cái gọi là phương thức sản xuất châu Á.

### 3. “Thuận thiên” và “chế thiên” ở Việt Nam thời hiện đại

Khắc phục tư tưởng thiên mệnh thần bí, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, nhân định thắng thiên. Tức là, con người có thể thắng được cả trời, sức mạnh của nhân dân, của quần chúng là vô cùng to lớn, là vô địch. Điều này là hoàn toàn đúng. Tuy nhiên, từ năm 1975 đến năm 1986, chúng ta nâng lên thành chủ thuyết làm chủ thiên nhiên, làm chủ xã hội, làm chủ bản thân mình, tức làm chủ được tất cả, kể cả thiên nhiên. Ngay bản thân mỗi chúng ta trong một

ngày đêm, không phải lúc nào cũng do ý thức điều khiển, mà len lỏi vào sự điều khiển này, theo S.Phớt, còn có cái vô thức. Xã hội phát triển không phải lúc nào cũng theo những kế hoạch, chương trình định sẵn. Trong *Biện chứng của tự nhiên*, Ph.Ăngghen cho rằng, con người càng cách xa con vật bao nhiêu thì con người lại càng tự mình làm ra lịch sử của mình một cách có ý thức bấy nhiêu; ảnh hưởng của những hậu quả không dự kiến trước, của những lực lượng không kiểm soát được đối với lịch sử đó, lại càng ít đi bấy nhiêu, do đó kết quả lịch sử lại càng phù hợp một cách chính xác hơn bấy nhiêu với mục đích đã được xác định trước. Tuy nhiên, nếu dùng tiêu chuẩn đó để xét lịch sử của loài người, ngay cả lịch sử của những dân tộc phát triển nhất ở thời đại hiện nay, thì chúng ta vẫn còn thấy có một sự chênh lệch rất lớn giữa những mục đích đã định trước và những kết quả đã đạt được; vẫn thấy những hậu quả không dự kiến trước còn chiếm ưu thế, những lực lượng chưa kiểm soát được vẫn còn mạnh hơn nhiều so với những lực lượng đi theo những chương trình, kế hoạch đã định trước. Không thể nào khác được, chừng nào hoạt động lịch sử chủ yếu nhất của con người vẫn còn chịu sự tác động mù quáng của những lực lượng chưa kiểm soát được, chừng nào mục đích mong muốn chỉ được thực hiện trong trường hợp ngoại lệ và cái được thực hiện thường lại chính là những kết quả trái ngược hẳn với mục đích ấy. Những thiên tai, như núi lửa, bão, lũ lụt, hạn hán..., chúng ta vẫn chưa thể kiểm soát. Tuyệt đối hóa “chế thiên” dễ rơi vào duy ý chí. Vậy, từ năm 1986 đến nay, “thuận thiên” và “chế thiên” được thể hiện như thế nào? Giải quyết mâu thuẫn, nghịch lý này ra sao?

Để giải quyết vấn đề này, chúng ta cần quay lại phân tích những lời chỉ dẫn thiên tài của Ph.Ăngghen trong tác phẩm *Biện chứng của tự nhiên*. Là nhà biện chứng vĩ đại, Ph.Ăngghen cho rằng: “Trong giới tự nhiên, không có cái gì xảy ra một cách đơn độc cả; hiện tượng này tác động đến hiện tượng khác và ngược lại”<sup>(1)</sup>; bởi vậy, “chúng ta không nên quá tự hào về những

thắng lợi của chúng ta đối với giới tự nhiên. Bởi vì cứ mỗi lần chúng ta đạt được một thắng lợi, là mỗi lần giới tự nhiên trả thù lại chúng ta<sup>(2)</sup>. Điều này là hoàn toàn chính xác. Bởi lẽ, con người - tự nhiên là một hệ thống cân bằng động, các yếu tố của nó tác động qua lại lẫn nhau, con người tác động lên tự nhiên, ngược lại, tự nhiên cũng tác động lên con người. Nhưng chiều thứ hai, do chỉ nhìn thấy lợi ích trước mắt, nên con người thường “không lường trước được” và đôi khi nó lại phá hủy tất cả những kết quả ban đầu mà con người đã đạt được. Người ta càng chinh phục, cải tạo được giới tự nhiên nhiều bao nhiêu thì người ta lại bị giới tự nhiên trả thù nhiều bấy nhiêu, mặc dù sự trả thù này có thể không ngay lập tức, mà theo luật “Đời cha ăn mặn, đời con khát nước”. Ph.Ăngghen viết: “Và những việc đó đã nhắc nhở chúng ta từng giờ từng phút rằng chúng ta hoàn toàn không thống trị được giới tự nhiên như một kẻ xâm lược thống trị một dân tộc khác, như một người sống bên ngoài giới tự nhiên<sup>(3)</sup>”. Như vậy, quyền hành và sự thống trị của con người đối với tự nhiên không phải là vô hạn, tuyệt đối để đến nỗi làm phá vỡ hệ thống cân bằng động con người - tự nhiên. Bởi vì, con người chinh phục giới tự nhiên, nhưng con người vẫn nằm trong lòng nó, chứ không phải như một kẻ sống bên ngoài giới tự nhiên, không phải như một kẻ xâm lược thống trị một dân tộc khác, bắt dân tộc đó làm nô lệ cho mình. Con người cải tạo, chinh phục mẹ, nhưng vẫn nằm trong lòng mẹ, bởi vậy, đừng có cư xử tồi tệ, quá đáng với người mẹ của mình, nếu không sẽ bị quả báo.

Xã hội càng văn minh, con người càng phát triển thì sự tác động (cải tạo, biến đổi) của con người đối với tự nhiên càng mạnh mẽ. Tuy nhiên, những tác động (cải tạo, biến đổi) ấy dù có to lớn mạnh mẽ như thế nào đi chăng nữa cũng không được phép vượt quá giới hạn, tức làm phá vỡ sự cân bằng động của hệ thống con người - xã hội - tự nhiên. Bởi vì, con người, xã hội không thể tồn tại bên ngoài giới tự nhiên. Để tồn tại, con người và xã hội phải dựa vào tự nhiên, dựa vào thế giới vật chất, môi trường

xung quanh. Ph.Ăngghen cho rằng, giới tự nhiên là cái cung cấp những vật liệu cho lao động biến thành của cải. Sự cân bằng này có thể được chứng minh bằng những ví dụ cụ thể hằng ngày. Chẳng hạn, nhiều chim sẻ quá thì ăn khá nhiều thóc lúa ở ngoài đồng. Thế nhưng, nếu diệt hết chim sẻ, thì sâu bệnh lại phát triển khá nhanh, đồng thời phá hoại mùa màng gấp nhiều lần so với chim sẻ. Trong tự nhiên, loài này sinh ra là để cho loài khác, loài khác sinh ra lại để cho loài khác nữa, cứ như thế cho đến loài cuối cùng sinh ra, rất có thể là để cho loài ban đầu. Vòng tròn khép kín, sự cân bằng động của giới tự nhiên. Hơn thế, không chỉ đơn giản có một vòng tròn, có thể loài này là nhân tố của vòng tròn này, nhưng lại tham gia trong một chu trình khác, vòng tròn khác. Như vậy, trong giới tự nhiên có vô số những vòng tròn tương đối khép kín, vừa giao nhau, vừa bao nhau vô cùng phức tạp, luôn vận động trong thế cân bằng, khiến cho thế giới luôn biến đổi, thế giới luôn diễn ra một cách biện chứng. Do vậy, việc chinh phục, cải tạo, biến đổi giới tự nhiên phải ở trong khuôn khổ cân bằng động của hệ thống con người - tự nhiên. Nếu vì tham lam trước mắt mà phá vỡ sự cân bằng động của hệ thống này thì con người phải trả giá, phải lãnh những hậu quả khó lường. Có những hậu quả trước mắt mà chúng ta có thể thấy ngay, nhưng cũng có những hậu quả lâu dài mà trải qua hàng nghìn năm mới đánh giá hết được mức độ nguy hại của nó. Trong *Biện chứng của tự nhiên*, Ph.Ăngghen cho rằng, nếu chúng ta đã phải trải qua hàng nghìn năm lao động mới có thể, trong một chừng mực nào đó, đánh giá trước được những hậu quả tự nhiên xa xôi của những hành động sản xuất của chúng ta, thì chúng ta lại càng phải trải qua nhiều khó khăn hơn nữa mới có thể hiểu biết được những hậu quả xã hội của những hành động ấy.

Ở Việt Nam, ngay từ Đại hội lần thứ IX của Đảng đã nhận định, tăng trưởng kinh tế, chủ yếu vẫn đi theo chiều rộng dựa vào tăng đầu tư, khai thác tài nguyên, bởi vậy, dễ dẫn đến làm cạn kiệt nguồn tài nguyên. Đảng ta đã cảnh báo: rừng và tài nguyên khác bị xâm hại nghiêm trọng. Từ

đó, Đảng ta chủ trương phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Đại hội lần thứ X của Đảng đã chỉ ra một trong những vấn đề toàn cầu bức xúc đòi hỏi các quốc gia và các tổ chức quốc tế cần phải phối hợp giải quyết, đó là môi trường tự nhiên bị phá hủy; khí hậu diễn biến ngày càng xấu, kèm theo những thiên tai khủng khiếp; tình trạng khan hiếm nguồn năng lượng, cạn kiệt tài nguyên. Đại hội lần thứ XI của Đảng cũng đề cập đến một trong những vấn đề toàn cầu cấp bách có liên quan đến vận mệnh của loài người, đó là bảo vệ môi trường và ứng phó với những biến đổi khí hậu, nước biển dâng cao. Đây cũng là một trong những nội dung quan trọng được đề cập tại Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI. Những hiện tượng mà Đảng ta cảnh báo trên đều bắt nguồn từ nguyên nhân, đó là mất cân bằng, khủng hoảng sinh thái. Về nguyên nhân của hiện tượng này và giải pháp khắc phục, chúng ta có thể tìm thấy từ những tư tưởng quan trọng, căn cốt trong tác phẩm *Biện chứng của tự nhiên* của Ph.Ăngghen đã được phân tích ở trên. Tiếp thu, vận dụng một cách sáng tạo tư tưởng của Ph.Ăngghen trong điều kiện cụ thể của Việt Nam, để bảo vệ môi trường, khắc phục khủng hoảng sinh thái, Đại hội lần thứ XI của Đảng đưa ra bảy giải pháp: (1) Nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của toàn xã hội, trước hết là của cán bộ lãnh đạo các cấp về bảo vệ môi trường. (2) Khẩn trương hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường; xây dựng chế tài đủ mạnh để ngăn ngừa, xử lý nghiêm các hành vi gây ô nhiễm môi trường. (3) Ngăn chặn có hiệu quả nạn phá rừng, cháy rừng và tình trạng khai thác tài nguyên bừa bãi; xử lý nghiêm các cơ sở gây ô nhiễm, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường. (4) Đưa nội dung bảo vệ môi trường vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, vùng và các chương trình, dự án đầu tư. (5) Các dự án, công trình đầu tư xây dựng mới bắt buộc phải thực hiện nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường. (6) Quản lý, khai thác hiệu quả, tiết

kiệm tài nguyên thiên nhiên, đảm bảo cân bằng sinh thái. (7) Chú trọng phát triển kinh tế xanh, thân thiện với môi trường; từng bước phát triển năng lượng sạch, sản xuất sạch, tiêu dùng sạch.

Đại hội lần thứ XIII của Đảng có bước tiến mới trong việc giải quyết mối liên hệ giữa “thuận thiên” và “ché thiên”. Cụ thể, trong “ché thiên” có “thuận thiên”, trong “thuận thiên” có “ché thiên”. “Thuận thiên” theo một nghĩa nào đó là để “ché thiên”; “ché thiên” là để “thuận thiên” trong phạm vi rộng lớn hơn. Thực tế, có nơi, có lúc, có khía cạnh nghiêng về “thuận thiên”, nhưng có nơi, có lúc, có khía cạnh lại nghiêng về “ché thiên”. Hai cái này liên hệ mật thiết với nhau, không tách rời nhau, tùy từng điều kiện, hoàn cảnh mà cái nào nổi trội. Đứng trước hiện tượng hạn hán, nước mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long, thì chúng ta không thể “ché thiên”, mà phải “thuận thiên”. Nhưng, trong “thuận thiên”, chúng ta vẫn có “ché thiên”. Đại hội lần thứ XIII của Đảng chủ trương phát triển nền kinh tế xanh, sạch, tuần hoàn, bền vững, bao trùm là sự cụ thể hóa mối quan hệ giữa “thuận thiên” và “ché thiên” ở Việt Nam hiện nay. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng trong bài *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam* đã chỉ ra: “Chúng ta cần sự phát triển bền vững, hài hòa với thiên nhiên để bảo đảm môi trường sống trong lành cho các thế hệ hiện tại và tương lai, chứ không phải để khai thác, chiếm đoạt tài nguyên, tiêu dùng vật chất vô hạn độ và hủy hoại môi trường”<sup>(4)</sup>. Nếu làm được như vậy, những thế hệ tương lai sau này sẽ vô cùng biết ơn những gì mà chúng ta đang làm hôm nay □

(1), (2) và (3) C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, t.20, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.652, 654 và 655

(4) Nguyễn Phú Trọng, *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.21